

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2018

V/v ly hôn giữa chị V và anh H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Giáp Thị V, sinh năm 1979 “có mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 “ vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Giáp Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và H toàn tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài. Đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2009 chị đi lao động ở nước ngoài, năm 2010 anh H ở nhà chung sống với một người đàn ông khác nên không còn tình cảm

với vợ. Tháng 02/2016 khi chị trở về nước anh H đã đuổi chị ra khỏi nhà. Thời gian vợ chồng chị sống ly thân đã 9 năm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2003 và Nguyễn Quang U, sinh năm 2006. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị Kiều O và giao cho anh H nuôi con Nguyễn Quang U, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm ở công ty điện tử, thu nhập trung bình từ 5-6 triệu đồng/tháng.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện chị đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất diện tích 4.651,5m² và giá trị căn nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất số 191 diện tích 725m² đều tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Ngày 12/4/2018 chị đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản, khi nào cần chị sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2017 bị đơn, anh Nguyễn Văn H trình bày: Về Thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như chị V trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân là do chị V tự bỏ nhà đi chứ vợ chồng không có xô xát gì. Nay chị V xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị V trình bày là đúng. Anh đề nghị được nuôi cả 02 con vì anh có đủ điều kiện để nuôi các con.

Về tài sản: Căn nhà 3 tầng và diện tích thửa đất 4.651,5m² tại Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang là tài sản của bố mẹ anh, anh không đề nghị giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị V chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272, 273 và Điều 244 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho chị Giáp Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị V trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2003. Anh Nguyễn Văn H nuôi con Nguyễn Quang U, sinh năm 2006. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản: Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị V và anh H. Ngoài ra còn đề xuất về

án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với các đương sự, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Giáp Thị V và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và H toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị V và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị V và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh H. Anh H không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng xác nhận vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị V và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị V được ly hôn anh H.

[3] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị V, anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2003 và Nguyễn Quang U, sinh năm 2006. Chị V đề nghị được nuôi con Nguyễn Thị Kiều O và cháu O cũng có nguyện vọng được ở với chị V nên cần căn cứ các Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu O cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Nguyễn Quang U có nguyện vọng được ở với anh H nên cần giao cháu U cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi dưỡng một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị V, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản*: Tại đơn khởi kiện chị V đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất diện tích 4.651,5m² và giá trị căn nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất số 191 diện tích 725m² đều tại thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Ngày 12/4/2018 chị V gửi đơn xin rút yêu cầu chia tài sản, tại phiên tòa hôm nay chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu này nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 BLTTDS. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị V và anh H.

Số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị V đã nộp trả lại cho chị V.

Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272, Điều 273 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Giáp Thị V và anh Nguyễn Văn H.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2003, anh H nuôi con Nguyễn Quang U, sinh năm 2006. Chị V, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

3. *Về tài sản*: Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung giữa chị V và anh H.

4. *Về án phí*: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002817 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. H trả chị V 11.300.000 đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã L, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 04 tháng 5 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 468/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

Nguyễn đơn: Chị Giáp Thị V, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUẾT,
QUẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272 Điều 273 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. TUYÊN XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giáp Thị V và anh Nguyễn Văn H.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 2003, anh H nuôi con Nguyễn Quang U, sinh năm 2006. Chị V và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung giữa chị V và anh H.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002817 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. H trả chị V 11.300.000 đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 04 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy